

KẾT QUẢ KIỂM TRA LẠI - NĂM HỌC 2024-2025
KHỐI 7

STT	Họ và Tên	Lớp	Ngày sinh	Giới tính	Môn thi lại	Điểm môn kiểm tra lại						Kết quả
						Toán	Ngữ văn	T.Anh	LS-DL	KHTN	CN	GDCD
1	Phan Trần Hoàng	Anh	31/10/2012	Nam	Toán học: 2.7, Ngữ văn: 4.2, Ngoại ngữ: 3.8	3.5	5.0					Đạt
2	Võ Gia Bảo	7A2	10/08/2012	Nam	Toán học: 2.6, Ngữ văn: 4.7, Ngoại ngữ: 3.5	3.8	5.5					Đạt
3	Đỗ Minh Khôi	7A2	17/05/2012	Nam	Ngữ văn: 3.0, Ngoại ngữ: 3.9		3.5					Đạt
4	Đoàn Trung Kiên	7A2	03/09/2012	Nam	Toán học: 3.2, Ngữ văn: 4.4, Ngoại ngữ: 3.6	3.5	5.0					Đạt
5	Trương Văn Sang	7A2	29/06/2011	Nam	Toán học: 2.6, Ngữ văn: 2.2, Ngoại ngữ: 4.4	4.3	3.5	7.3				Đạt
6	Nguyễn Bá Vương	7A2	08/04/2012	Nam	Toán học: 3.1, Khoa học tự nhiên: 4.7, Ngoại ngữ: 4.2	5.0				9.0		Đạt
7	Đỗ Thành Danh	7A3	13/07/2012	Nam	Toán học: 2.4, Lịch sử và Địa lí: 4.4, Khoa học tự nhiên: 4.4, Ngữ văn: 3.6, Ngoại ngữ: 3.0	Vắng		Vắng	Vắng	Vắng		Hồng
8	Nguyễn Thế Đạt	7A3	17/07/2012	Nam	Toán học: 3.9, Ngữ văn: 4.2, Ngoại ngữ: 4.0		5.0					Đạt
9	Nguyễn Bá Duy	7A3	09/01/2011	Nam	Lịch sử và Địa lí: 4.1, Ngữ văn: 2.6, Ngoại ngữ: 3.1		1.8	1.8				Hồng
10	Mai Việt Hoa	7A3	21/07/2012	Nữ	Toán học: 2.8, Ngữ văn: 3.6, Ngoại ngữ: 3.8	1.5	3.0					Hồng
11	Cao Văn Long	7A3	27/09/2012	Nam	Toán học: 3.3, Ngữ văn: 4.1, Ngoại ngữ: 3.9	4.3	5.0					Đạt
12	Phạm Thành Phát	7A3	15/07/2010	Nam	Toán học: 3.1, Ngữ văn: 3.5, Ngoại ngữ: 3.5	Vắng	Vắng					Hồng
13	Lê Đăng Hoàng	7A4	04/07/2012	Nam	Toán học: 3.8, Ngữ văn: 3.7, Ngoại ngữ: 3.5	5.0	4.0					Đạt
14	Lương Khánh Linh	7A4	13/11/2012	Nữ	Toán học: 3.9, Lịch sử và Địa lí: 3.8, Khoa học tự nhiên: 4.5, Ngữ văn: 2.5, Ngoại ngữ: 3.2	3.5	3.5	5.0	5.0	5.0		Đạt
15	Trần Ngọc Quyền	7A4	21/07/2012	Nam	Toán học: 4.4, Lịch sử và Địa lí: 3.0, Khoa học tự nhiên: 3.7, Ngữ văn: 1.8, Ngoại ngữ: 4.6	3.0	1.0	3.3	2.0	2.3		Hồng
16	Trần Thị Kim Sang	7A4	27/12/2011	Nữ	Toán học: 3.9, Ngữ văn: 4.1, Ngoại ngữ: 3.2		5.0	3.8				Đạt
17	Nguyễn Trương Bảo Trâm	7A4	11/11/2012	Nữ	Lịch sử và Địa lí: 4.5, Ngữ văn: 3.2, Ngoại ngữ: 3.0		3.5	3.5	6.5			Đạt
18	Phan Minh Trung	7A4	08/02/2011	Nam	Ngữ văn: 3.0, Ngoại ngữ: 4.1		Vắng					Hồng
19	Phạm Trường An	7A5	28/10/2012	Nam	Toán học: 3.3, Lịch sử và Địa lí: 4.6, Khoa học tự nhiên: 4.1, Ngữ văn: 3.6, Ngoại ngữ: 3.4	5.0		4.8	8.8	8.3		Đạt
20	Trần Nguyễn Kim Anh	7A5	14/05/2012	Nữ	Toán học: 3.9, Khoa học tự nhiên: 4.4, Ngữ văn: 3.6, Ngoại ngữ: 3.4		Vắng	Vắng		Vắng		Hồng

STT	Họ và tên		Lớp	Ngày sinh	Giới tính	Kiến thức		Toán	Ngữ văn	T.Anh	LS-DL	KHTN	CN	GD&CD	Kết quả
	Họ và tên	Đạt													
21	Võ Thành Đạt	Đạt	7A5	23/04/2012	Nam	Toán học: 3.3, Ngữ văn: 2.9, Ngoại ngữ: 3.0		3.5	5	3.5					Đạt
22	Trần Đình Xuân Diệu	Đạt	7A5	21/11/2012	Nam	Toán học: 3.5, Lịch sử và Địa lí: 4.7, Ngữ văn: 3.5, Ngoại ngữ: 3.1			5	3.5	8.5				Đạt
23	Trần Thế Hào	Đạt	7A5	12/07/2012	Nam	Toán học: 4.1, Ngữ văn: 4.4, Ngoại ngữ: 3.3			5	3.5					Đạt
24	Phan Nguyễn Thiện Nhân	Đạt	7A5	22/11/2012	Nam	Toán học: 2.9, Lịch sử và Địa lí: 4.8, Ngữ văn: 3.6, Ngoại ngữ: 3.2		5.0		3.5	6.3				Đạt
25	Nguyễn Thế Anh Vũ	Đạt	7A5	20/07/2012	Nam	Ngữ văn: 3.9, Ngoại ngữ: 2.7				Vắng					Hồng
26	Phan Quốc Bảo	Đạt	7A6	16/08/2011	Nam	Toán học: 2.8, Ngữ văn: 3.7, Ngoại ngữ: 3.6		3.5	5						Đạt
27	Hà Quốc Quân	Đạt	7A6	08/07/2011	Nam	Toán học: 3.7, Khoa học tự nhiên: 4.9, Ngữ văn: 2.8, Ngoại ngữ: 3.5			5			9.5			Đạt
28	Nguyễn Thế Phong	Đạt	7A7	06/09/2012	Nam	Toán học: 3.0, Lịch sử và Địa lí: 4.2, Khoa học tự nhiên: 4.4, Ngữ văn: 4.1, Ngoại ngữ: 2.5		Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng			Hồng
29	Nguyễn Thị Sơn Ca	Đạt	7A8	05/05/2012	Nữ	Toán học: 4.3, Ngữ văn: 4.0, Ngoại ngữ: 4.0			5.0						Đạt
30	Lưu Ngọc Dương	Đạt	7A8	19/10/2012	Nam	Toán học: 4.0, Khoa học tự nhiên: 4.9, Ngữ văn: 3.4, Ngoại ngữ: 2.8		3.5	5.0	3.5		7.8			Đạt
31	Nguyễn Văn Duy	Đạt	7A8	15/10/2012	Nam	Toán học: 3.6, Ngữ văn: 3.9, Ngoại ngữ: 3.8			6.0						Đạt
32	Nguyễn Tường Vy	Đạt	7A8	21/10/2012	Nữ	Toán học: 3.6, Ngữ văn: 1.7, Ngoại ngữ: 3.9			Vắng						Hồng
33	Nguyễn Phú Trọng	Đạt	7A9	01/11/2012	Nam	Toán học: 4.2, Ngoại ngữ: 3.1, Công nghệ: 4.5				3.5			7.0		Đạt
34	Phan Duy Hưng	Đạt	7A10	02/02/2012	Nam	Toán học: 4.8, Ngữ văn: 3.0, Ngoại ngữ: 3.5		5.0	3.5						Đạt
35	Phan Thị Kim Phương	Đạt	7A10	25/02/2011	Nữ	Toán học: 3.0, Lịch sử và Địa lí: 4.3, Ngữ văn: 3.6, Ngoại ngữ: 3.6		5.0			5.0				Đạt
36	Nguyễn Hồ Quốc Sự	Đạt	7A10	28/06/2012	Nam	Toán học: 3.4, Ngữ văn: 2.1, Ngoại ngữ: 2.7		5.0	3.8	3.5					Đạt
37	Châu Thanh Tuyền	Đạt	7A10	10/08/2012	Nam	Toán học: 3.5, Lịch sử và Địa lí: 3.8, Ngữ văn: 2.0, Ngoại ngữ: 2.9			2.5	0.8	Vắng				Hồng
38	Nguyễn Thị Như Ý	Đạt	7A10	02/08/2012	Nữ	Toán học: 3.6, Ngữ văn: 3.5, Ngoại ngữ: 2.9		3.8	5.0	3.5					Đạt
39	Nguyễn Văn Chí	Đạt	7A11	09/04/2010	Nam	Toán học: 4.0, Lịch sử và Địa lí: 4.0, Khoa học tự nhiên: 4.7, Ngữ văn: 3.3, Ngoại ngữ: 3.6		5.0	5.0		5.8				Đạt
40	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	Đạt	7A11	10/10/2012	Nữ	Toán học: 3.5, Khoa học tự nhiên: 4.2, Ngữ văn: 3.3, Ngoại ngữ: 3.8		3.5	5.0			8.3			Đạt
41	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	Đạt	7A13	05/09/2011	Nữ	Khoa học tự nhiên: 4.4, Ngữ văn: 3.6, Ngoại ngữ: 2.9				3.5		6.5			Đạt
42	Lê Trường Giang	Đạt	7A13	29/01/2012	Nam	Toán học: 4.1, Ngữ văn: 4.1, Ngoại ngữ: 3.5			5.0						Đạt
43	Lê Phú Lộc	Đạt	7A13	24/10/2012	Nam	Toán học: 3.6, Ngữ văn: 3.5, Ngoại ngữ: 4.1			5.0						Đạt
44	Lê Phạm Anh Thư	Đạt	7A13	10/10/2011	Nữ	Lịch sử và Địa lí: 3.5, Khoa học tự nhiên: 3.8, Ngữ văn: 2.9, Ngoại ngữ: 3.6			5.0		3.5	5.0			Đạt

Họ và tên		Sex	Lớp	Ngày sinh	Giới tính	Điểm thi		Toán	Ngữ văn	T. Anh	LS-DL	KHTN	CN	GDCD	Đạt qua
45	Nguyễn Ngô Tuấn	Tú	7A13	02/09/2012	Nam	Toán học: 3.9, Khoa học tự nhiên: 4.8, Ngữ văn: 3.9, Ngoại ngữ: 3.6			5.0			9.8			Đạt
46	Huỳnh Chí	Hải	7A14	22/10/2012	Nam	Toán học: 3.8, Ngữ văn: 4.1, Ngoại ngữ: 4.1		5.0	4.5						Đạt
47	Trần Duy	Khang	7A14	30/03/2012	Nam	Toán học: 3.4, Ngữ văn: 3.3, Ngoại ngữ: 3.5		6.8	4.5	3.5					Đạt
48	Huỳnh Thanh	Luật	7A14	02/12/2012	Nam	Toán học: 3.7, Ngữ văn: 3.9, Ngoại ngữ: 3.5		4.3	5.0	3.5					Đạt
49	Trần Trương Thế	Sang	7A14	17/11/2012	Nam	Toán học: 2.7, Ngữ văn: 2.8, Ngoại ngữ: 2.9		3.5	5.0	3.5					Đạt
50	Ngô Hoàng	Thịnh	7A14	15/08/2012	Nam	Toán học: 2.6, Ngữ văn: 3.3, Ngoại ngữ: 2.7		3.5	5.0	3.5					Đạt
51	Bùi Minh	Trọng	7A14	29/10/2012	Nam	Toán học: 3.8, Ngữ văn: 3.6, Ngoại ngữ: 3.5		3.8	6.0	3.5					Đạt
52	Trần Vô Thiên	Vy	7A14	11/01/2012	Nữ	Toán học: 2.0, Ngữ văn: 3.6, Ngoại ngữ: 3.6		3.5	5.0	3.5					Đạt
53	Nguyễn Văn	Duy	7A15	02/08/2012	Nam	Toán học: 3.9, Ngữ văn: 3.9, Ngoại ngữ: 3.5		3.9	5.0						Đạt
54	Hoàng Nguyễn Minh	Thư	7A15	22/11/2012	Nữ	Toán học: 3.7, Ngữ văn: 4.5, Ngoại ngữ: 3.1			5.0	3.9					Đạt

Danh sách có 54 học sinh./.

Trong đó:

Đạt: 43

Hồng: 11

Hòa Lợi, ngày 08 tháng 8 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Hồ Thị Thanh Dung